TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **140**/2026/DS-ST
Ngày 09 - 07 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Tuấn

Bà Lê Thị Nhớ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 05 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1044/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 05 năm 2026 và số 1093/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V** (V1); trụ sở: Tòa nhà VPBank Tower, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T; Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và bà Lê Hoàng L; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ liên hệ: Tầng D, A P, phường H, thành phố Đà Nẵng *(Văn bản ủy quyền số 50/2026/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 và số 9370688/2025/TBKK/VPB ngày 22/12/2025). (bà L có mặt)*

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: tổ C, phường T, thành phố Đà Nẵng. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Hoàng L trình bày:**

Ngày 29/10/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) – Chi nhánh Đ và

ông Nguyễn Hữu P có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1. Căn cứ thu nhập của ông P, V1 đã cho vay số tiền 210.000.000 đồng với mục đích: vay tiêu dùng, thời hạn vay: 24 tháng. Lãi suất trong hạn: 42%/ năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn là 63%/năm.

Thực hiện hợp đồng, V1 đã giải ngân toàn bộ số tiền 210.000.000 đồng vào tài khoản của ông P để thanh toán chi trả cho bên thụ hưởng. Sau đó, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 54.642.290 đồng. Trong đó: thanh toán gốc 25.716.291 đồng và lãi là 28.925.999 đồng.

Kể từ ngày 03/04/2023 đến nay, ông Nguyễn Hữu P không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 03/04/2023 V1 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 09/07/2026, ông P còn nợ ngân hàng tổng số tiền: 567.955.272 đồng, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng.

Ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thiện chí thanh toán nên V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hữu P phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/07/2026 là 567.955.272 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi năm ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng. Buộc ông Nguyễn Hữu P phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/07/2026 cho đến khi trả hết dư nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

** Bị đơn ông Nguyễn Hữu P mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lê các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Hữu P đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Hữu P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 09/07/2026 là 567.955.272 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi năm ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hữu P phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/07/2026 cho đến khi trả hết dư nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 LN22117282899 ngày 29/10/2022 đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu P là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hữu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Ngày 29/10/2022, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1)và ông Nguyễn Hữu P đã ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 (Hợp đồng LN22117282899) với thỏa thuận: số tiền vay là 210.000.000 đồng; mục đích: vay tiêu dùng; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất trong hạn là 42% năm. Đồng thời ông P xác nhận tuân theo Bản điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân tại V1. Theo đó, lãi suất quá hạn là 63% năm (150% lãi suất trong hạn).

Xét Hợp đồng LN22117282899 được xác lập giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật nên được công nhận, các bên giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Quá trình thực hiện, V1 đã giải ngân ngân toàn bộ số tiền 210.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Hữu P để thanh toán chi trả cho bên thụ hưởng theo đúng Hợp đồng các bên đã ký kết. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 54.642.290 đồng. Trong đó: thanh toán gốc 25.716.291 đồng và lãi là 28.925.999 đồng. Kể từ ngày 03/04/2023 đến nay, ông P vi phạm nghĩa vụ thanh

toán gốc, lãi nên V1 chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với tổng số tiền ông P còn nợ tính đến ngày 09/07/2026 là: 567.955.272 đồng, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của V1 trong thông báo thụ lý và nội dung những vấn đề hòa giải nhưng đã không có ý kiến, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1; buộc ông Nguyễn Hữu P phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến 09/07/2026 là 567.955.272 đồng, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng.

Ông P phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 LN22117282899 ngày 29/10/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu của V1 được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

- Điều 91, Điều 95 ;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Hữu P.

Buộc ông Nguyễn Hữu P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tính đến ngày 09/07/2026 là 567.955.272 đồng (*Năm trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi năm ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng)*, bao gồm: dư nợ gốc 184.283.709 đồng; lãi trong hạn 5.157.874 đồng; lãi quá hạn 378.513.689 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong,

ông Nguyễn Hữu P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 LN22117282899 ngày 29/10/2022. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 26.718.210 đồng *(Hai mươi sáu triệu, bảy trăm mười tám ngàn, hai trăm mười đồng)* ông Nguyễn Hữu P phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 11.805.138 đồng *(Mười một triệu, tám trăm linh năm ngàn, một trăm ba mươi tám đồng)* cho Ngân hàng TMCP V đã nộp theo biên lai thu số 0001031 ngày 29/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.*

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Thủy